

Bản án số: 1132/2024/HS-PT
Ngày 05 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị Kim H (tên gọi khác: Mười T), sinh ngày 07 tháng 3 năm 1969; Nơi sinh: Tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Mai Thị Ê; Chồng là ông Huỳnh Bá K và có 04 người con.

- Nhân thân bị cáo:

+ Năm 1999, bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh A bắt về tội “Buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” và bị tạm giam 03 tháng 03 ngày được tha về, không xử lý.

+ Ngày 22 tháng 01 năm 2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Buôn lậu”, chấp hành xong hình phạt ngày 25 tháng 10 năm 2007.

+ Ngày 23 tháng 02 năm 2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Tại Bản án hình

sự phúc thẩm số 844/2022/HS-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, phạt bị cáo H 08 năm tù.

+ Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 565/2023/HS-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đã giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Theo đó, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 14 năm tù về tội “*Buôn lậu*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 844/2022/HS-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (xử phạt y án sơ thẩm (08 năm tù) về tội “*Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới*”), buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22 năm tù.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh An Giang cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim H: Luật sư Nguyễn Văn H1
- Văn phòng Luật sư Nguyễn An N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Nguyễn Văn V, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1968; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị N1; Vợ là bà Võ Thị Tuyết G và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Từ năm 1987 đến tháng 9 năm 2021, công tác tại Công an tỉnh A và đã nghỉ hưu.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh A cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn S, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1970; Nơi sinh: Thị xã T, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T2; Vợ là bà Thái Thị Bích T3 và có 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Từ năm 1989 đến tháng 3 năm 2021, công tác tại Công an tỉnh A và đã nghỉ hưu.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh A cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Cục Thuế tỉnh A; Địa chỉ: Số B, N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn D; Chức vụ: Quyền Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng P; Chức vụ: Trưởng phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế, Cục Thuế tỉnh A (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Từ năm 2009 đến năm 2020, Nguyễn Thị Kim H đã thành lập 04 công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây gọi tắt là “*Công ty TNHH*”) và 02 hộ kinh doanh do H và người làm công của H đứng tên đại diện để đăng ký kinh doanh nhiều lĩnh vực nhưng chủ yếu là mua bán đường. Nguồn gốc số lượng đường do H trực tiếp mua, vận chuyển từ Campuchia đem về Việt Nam tiêu thụ. Trong đó:

- H đứng tên Công ty TNHH một thành viên X (sau đây gọi tắt là “*Công ty H*”) và Công ty TNHH X; Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là “*Công ty H*”) do Trần Văn P1 và Nguyễn Thị Bé E làm Giám đốc; Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là “*Công ty B*”) do Lê Thị Bạch V1 làm Giám đốc. Các công ty trên hoạt động theo hình thức khai báo thuế khấu trừ.

- Hộ kinh doanh Hạnh P2 do H thành lập và đứng tên chủ hộ kinh doanh từ ngày 16 tháng 11 năm 2015, đến tháng 9 năm 2018 nhờ Nguyễn Thanh T4 (cháu của H) đứng tên, từ tháng 5 năm 2019 do Mai Thị Ngọc P3 (người làm thuê của H) đứng tên; hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Ú do Nguyễn Hoàng Ú (em ruột của H) đứng tên chủ hộ kinh doanh, đến năm 2018 do Nguyễn Phước L (người làm thuê của H) đứng tên và đổi tên thành hộ kinh doanh L6. 02 hộ kinh doanh này hoạt động theo hình thức khai báo thuế khoán.

Quá trình điều tra xác định: Với danh nghĩa Công ty H và hộ kinh doanh L6, Nguyễn Thị Kim H đã bán đường cho nhiều khách hàng với tổng số tiền là: 3.084.957.095.560 đồng, trong đó của Công ty H 2.894.706.735.560 đồng, của hộ kinh doanh L6 190.250.360.000 đồng. Để nhận tiền bán đường từ khách hàng, H kêu những người làm công của H (Nguyễn Tường Cẩm T5, Trần Nguyễn Bảo T6, Mai Thị Ngọc P3, Nguyễn Phạm Khắc T7, Phạm Thanh S1...), Huỳnh Bá K (chồng H), Nguyễn Thị Kim X (chị H), Nguyễn Thị Kim T8 và Nguyễn Hoàng Ú (em H) đứng tên mở các tài khoản ngân hàng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào các tài khoản nêu trên mà không chuyển vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký với cơ quan thuế; các tài khoản ngân hàng này đều đăng ký số điện thoại của H nhận tin nhắn biến động tài khoản khi khách hàng chuyển trả tiền đường để H quản lý. Đồng thời, khi mua bán đường Hạnh không lập sổ kế toán, không xuất hóa đơn khi bán hàng và kê khai thuế không đúng doanh thu bán ra, cụ thể:

- Đối với Công ty H, số tiền doanh thu đã khai báo thuế là 104.495.055.598 đồng, so với số tiền doanh thu thực tế là 2.894.706.735.560 đồng, chênh lệch giảm không khai báo thuế số tiền 2.790.211.679.962 đồng.

- Đối với hộ kinh doanh L6:

+ Giai đoạn do H đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 125.011.793.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 8.748.550.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 116.263.243.000 đồng.

+ Giai đoạn do Nguyễn Thanh T4 đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 43.022.664.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 3.321.236.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 39.701.428.000 đồng.

+ Giai đoạn do Mai Thị Ngọc P3 đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 22.215.903.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 3.449.006.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 18.766.897.000 đồng.

Căn cứ các kết luận giám định về thuế, xác định số tiền gây ra thiệt hại cho ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là “NSNN”) là 755.248.306.937 đồng, cụ thể:

- Tại Kết luận giám định thuế số 04/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 1601119594 do Nguyễn Thị Kim H làm chủ hộ, từ tháng 11 năm 2015 đến ngày 09 tháng 9 năm 2018 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 5.231.845.935 đồng, gồm có: Thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi tắt là “GTGT”): 3.487.897.290 đồng, thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là “TNCN”): 1.743.948.645 đồng.

- Tại Kết luận giám định thuế số 05/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 8433130966 do Nguyễn Thanh T4 đứng tên làm chủ hộ, từ ngày 10 tháng 9 năm 2018 đến ngày 28 tháng 5 năm 2019 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 1.786.564.260 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 1.191.042.840 đồng, thuế TNCN: 595.521.420 đồng.

- Tại Kết luận giám định thuế số 06/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 8473400376 do Mai Thị Ngọc P3 làm chủ hộ, từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 844.510.365 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 563.006.910 đồng, thuế TNCN: 281.503.455 đồng.

- Tại Kết luận giám định thuế số 05/KL-GĐTP ngày 14 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Công ty H, mã số thuế 1601249882 do Nguyễn Thị Kim H làm Giám đốc kiêm Chủ tịch, từ năm 2010 - 2020 kinh doanh mua bán đường cát, đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 747.385.386.377 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 139.510.583.998 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là “TNDN”): 607.874.802.378 đồng.

Quá trình điều tra vụ án còn xác định, Nguyễn Thị Kim H đã chỉ đạo Trần Nguyễn Bảo T6, Nguyễn Tường Cẩm T5 rút tiền bán đường cát không xuất hóa đơn để trốn thuế có trong các tài khoản của Huỳnh Bá K, Phạm Thanh S1, Nguyễn Tường Cẩm T9, Nguyễn Phạm Khắc T7, Nguyễn Thị Kim X để chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S nhiều lần với tổng số tiền 4.930.604.000 đồng, trong đó: Võ nhận 10 lần với tổng số tiền 3.559.904.000 đồng để Võ nuôi cá, gửi tiết kiệm; Nguyễn Văn S nhận 11 lần với tổng số tiền 1.370.700.000 đồng để S làm từ thiện. Cụ thể:

- Đối với Nguyễn Văn V:

+ Ngày 17 tháng 10 năm 2012, tài khoản của Trần Nguyễn Bảo T6 nhận tiền đường từ Trần Chí Hùng, Trang Hữu Đ1 và Trương Kim L1 tổng cộng 2.350.000.000 đồng, H chỉ đạo T6 chuyển vào tài khoản của V 15.000.000 đồng.

+ Ngày 13 tháng 12 năm 2012, Trương Kim L1 chuyển trả tiền mua đường cát vào tài khoản của Trần Nguyễn Bảo T6 245.000.000 đồng. Ngày 14 tháng 12 năm 2012, H chỉ đạo T6 chuyển vào tài khoản của V 140.000.000 đồng.

+ Ngày 12 tháng 3 năm 2013, Quang D chuyển trả tiền mua đường cát vào tài khoản của Trần Nguyễn Bảo T6 499.850.000 đồng. H chỉ đạo T6 chuyển vào tài khoản của V 124.000.000 đồng.

+ Ngày 12 tháng 7 năm 2013, Trần Chí H2 chuyển trả tiền mua đường cát vào tài khoản của Trần Nguyễn Bảo T6 112.775.000 đồng. H chỉ đạo T6 chuyển vào tài khoản của V 100.000.000 đồng.

+ Ngày 03 tháng 7 năm 2015, tài khoản của Huỳnh Bá K nhận tiền đường từ Lê Thị Kim N2 211.000.000 đồng. H chỉ đạo T5 rút số tiền 80.000.000 đồng từ tài khoản của Huỳnh Bá K chuyển vào tài khoản của V.

+ Ngày 04 tháng 8 năm 2015 và ngày 05 tháng 8 năm 2015, tài khoản của Huỳnh Bá K nhận tiền đường từ Lê Thị Kim N2 03 lần tổng cộng 884.800.000 đồng, nhận từ Trương Quốc C 250.000.000 đồng. H kêu T5 chuyển từ tài khoản của Huỳnh Bá K vào tài khoản của Võ 1.000.301.000 đồng.

+ Ngày 06 tháng 8 năm 2015, tài khoản của Huỳnh Bá K nhận tiền đường từ Lê Thị Kim N2, Trần N3, Trần Văn N4, Trần Bửu Q và Trương Quốc C chuyển tổng cộng 1.250.050.000 đồng. H kêu T5 chuyển vào tài khoản của V 1.000.301.000 đồng.

+ Ngày 11 tháng 8 năm 2015, tài khoản của Huỳnh Bá K nhận tiền đường từ Lê Thị Kim N2 02 lần tổng cộng 905.000.000 đồng. H đưa thêm tiền cho T5 và kêu chuyển vào tài khoản của V 02 lần tổng cộng 1.000.302.000 đồng.

+ Ngày 03 tháng 12 năm 2015, tài khoản của Phạm Thanh S1 nhận từ Lê Thị Kim N2 chuyển khoản trả tiền mua đường 292.500.000 đồng. H kêu T5 chuyển vào tài khoản của V 50.000.000 đồng.

+ Ngày 21 tháng 3 năm 2016, tài khoản của Phạm Thanh S1 nhận từ Lê Thị Kim N2 chuyển khoản trả tiền mua đường cát 777.000.000 đồng. H kê T5 chuyển vào tài khoản của V 50.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn S:

+ Ngày 10 tháng 10 năm 2017, H kê T5 chuyển số tiền 67.500.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Lý Tuyết N5, Nguyễn Thị Mai P4, Trần Đức N6 chuyển trả tiền mua đường cát) và Phan Thị Mỹ H3 (không rõ tiền gì) để chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 02 tháng 11 năm 2017, H3 đưa cho T5 số tiền 56.700.000 đồng và kê T5 thêm vào số tiền 50.000.000 đồng có trong tài khoản của Thanh S1 (tiền do Lý Tuyết N5, Nguyễn Thị Mai P4 chuyển trả tiền mua đường cát) để vào tài khoản của Nguyễn Văn S 106.700.000 đồng.

+ Ngày 06 tháng 11 năm 2017, H3 kê T5 chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Trần Thị Kiểm Á chuyển vào trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 09 tháng 11 năm 2017, H3 kê T5 chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Trần Đức N6, Quang Duy T10 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 28 tháng 11 năm 2017, H3 kê T5 chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Nguyễn Thị Mai P4 và Lê Thị Kim N2 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 02 tháng 12 năm 2017, H3 kê T5 chuyển số tiền 127.500.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Nguyễn Thị Mai P4, Trần Đức N6 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 22 tháng 01 năm 2018, H3 kê T5 chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản của Nguyễn Tường Cẩm T9 (do Lâm Thị T11 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 02 tháng 4 năm 2018, H3 kê T5 chuyển số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản của Nguyễn Phạm Khắc T7 (do Trần Kim L2, Trần Thị Kiểm Á chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 22 tháng 6 năm 2018, H3 kê T5 rút số tiền 250.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Lâm Thị T11 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 03 tháng 12 năm 2018, H3 kê T5 chuyển số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Lâm Thị T11, Lê Kim L3, Trần Thị Kiểm Á nhờ Hứa Phước P5 chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

+ Ngày 06 tháng 12 năm 2018, H3 kê T5 rút số tiền 114.000.000 đồng từ tài khoản của Phạm Thanh S1 (do Lê Thị Kim N2, Nguyễn Thị C1, Lâm Thị

T11, Trương Quang N7, Lê Kim L3, Nguyễn Thị Mỹ C1, Trần Thị Kiểm Á chuyển trả tiền mua đường cát) vào tài khoản của Nguyễn Văn S.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, ngày 23 tháng 12 năm 2021, ngày 04 tháng 01 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A lần lượt khởi tố đối với Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S để điều tra.

** Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:*

- *Trần Nguyễn Bảo T6 trình bày:* Thúy làm thuê cho H vào khoảng năm 2010. H chỉ đạo T6 mở 03 tài khoản Ngân hàng S3, A1, V3 để những người mua đường chuyển trả tiền mua đường của H và được H giao công việc tổng hợp và ghi lại trên tờ giấy số lượng các xe tải, các ghe đường đã giao cho nhiều khách hàng, theo dõi khách hàng đã chuyển trả tiền mua đường đầy đủ chưa, nếu không đủ thì điện thoại nhắc khách hàng trả và T6 báo lại cho H biết. Tổng số tiền người mua đường của H chuyển vào tài khoản của T6 là 645.287.573.300 đồng. Đồng thời, T6 có chuyển tiền theo yêu cầu của H, trong đó, H yêu cầu T6 chuyển tiền từ tài khoản của T6 (do người mua đường chuyển trả) vào tài khoản của Nguyễn Văn V nhiều lần với tổng số tiền 379.000.000 đồng. {Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V thừa nhận có nhận tiền từ Bảo T6, nhưng cho rằng đây là tiền bị cáo H nhờ làm từ thiện.}

- *Nguyễn Tường Cẩm T5 trình bày:* Khoảng tháng 4 năm 2014 đến tháng 01 năm 2020, T5 làm thuê cho H với tiền công 3.000.000 đồng/tháng, được H phân công nhận ủy quyền nhiều tài khoản ngân hàng để chuyển và nhận tiền bán đường cát, gồm: Nguyễn Thị Kim H: tài khoản Ngân hàng S3 070061013510 và E1; Huỳnh Bá K: tài khoản Ngân hàng S3 070045204497 và V4; Nguyễn Tường Cẩm T9: tài khoản Ngân hàng S3; Mai Thị Ngọc P3: tài khoản Ngân hàng S3; Nguyễn Phạm Khắc T7: 03 tài khoản Ngân hàng S3 070085130021, 070100418809 và 070089093366; Phạm Thanh S1: 03 tài khoản Ngân hàng S3 070054908227, 070065995652, 070087194629 và 02 tài khoản Ngân hàng E2, 150614849139527; Nguyễn Thị Kim X: tài khoản Ngân hàng E2; Nguyễn Hoàng Ú: tài khoản Ngân hàng S3 070081536536. Tổng cộng số tiền mà T5 thực hiện các giao dịch nhận, rút, chuyển tiền qua các tài khoản ngân hàng được ủy quyền là hơn 1.100.000.000.000 đồng. T5 xác định Công ty H mua bán đường không ghi sổ sách kế toán... Trong thời gian làm công cho H, T5 biết Nguyễn Văn V có hùn 01 ghe có trọng tải khoảng 100 tấn và nhiều lần theo yêu cầu của H, T5 đã trích từ số tiền của nhiều khách hàng như Lê Thị Kim N2, Lý Tuyết N5, Trần N3... trả tiền mua đường cát chuyển vào tài khoản T5 được ủy quyền; H chỉ đạo T5 rút một phần tiền và yêu cầu T5 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn V nhiều lần với tổng số tiền 3.100.904.000 đồng. T5 biết khoảng năm 2017, Nguyễn Văn S có hùn 02 xe tải (01 xe BKS 67C-045.77, 01 xe chỉ nhớ các số cuối 1017) và 02 ghe (mỗi ghe trọng tải khoảng 100 tấn) để tham gia cùng H chở đường cát nhập lậu. T5 được H phân công quản lý, điều hành 02 ghe và được S cho số điện thoại của 02 tài công lái 02 ghe nên mỗi khi điều ghe chở đường, T5 đều điện thoại cho 02 tài công do S thuê để chở đường; các ghe này

thường chở đường giao cho Trần Thị Kiểm Á và Lâm Thị T11 ở Trà Vinh. Còn 02 xe tải của S là do Nguyễn Hoàng Ú (M) và Trần Văn P1 (Đôn) quản lý điều hành... H đã nhiều lần chỉ đạo T5 chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Văn S với tổng số tiền 1.370.700.000 đồng từ nguồn tiền H giao dịch bán đường không xuất hóa đơn cho người mua ở các tỉnh.

- *Nguyễn Thị Bé E trình bày:* Bản thân sống bằng nghề làm thuê, vào năm 2015 H nhờ đứng tên Giám đốc Công ty H để kinh doanh mua bán đường và không được H cho hưởng lợi gì. Toàn bộ hoạt động của Công ty B3 đều không biết mà do H quản lý, điều hành toàn bộ.

- *Trần Văn P1 (Phương Đ2) trình bày:* Bản thân là người làm thuê cho H, việc làm Giám đốc Công ty H là theo sự chỉ đạo của H, bản thân P1 không hưởng lợi. Địa chỉ Công ty H và đất là của H và cũng là kho đường cát của H. Vào khoảng từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2018, H và Nguyễn Tường Cẩm T5 giao cho P1 điều hành khoảng 05 đến 06 xe tải đến các điểm tập kết ở Việt Nam để nhận hàng lậu từ Campuchia về Việt Nam tiêu thụ, trong đó có 02 ô tô tải 67C-045.77 và 67C-010.17. Căn cứ vào phiếu ghi chép mỗi chuyến của P1 đưa, T5 là người tính tiền với các chủ xe.

- *Lê Thị Bạch V1 trình bày:* Bản thân chỉ là người phụ giúp việc nhà cho H, trình độ học vấn 02/12, không kinh doanh mua bán đường với ai. H có nhờ đứng tên Giám đốc Công ty B giùm H, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều do H quản lý, điều hành, không được hưởng lợi từ Công ty; biết H kinh doanh mua bán đường, sử dụng điện thoại 0829191919, không biết nguồn gốc đường mua bán.

- *Nguyễn Thanh T4 trình bày:* T4 là cháu ruột của H, năm 2017 có làm thuê cho H công việc chủ yếu là đổ xăng tại cây xăng H7. T4 khẳng định không ký hợp đồng lao động với vai trò thủ quỹ của Công ty H. Ngày 10 tháng 9 năm 2018 được H bán lại hộ kinh doanh Hạnh Phát giá 900.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền đủ, đến ngày 29 tháng 5 năm 2019 bán lại hộ kinh doanh Hạnh Phát cho Mai Thị Ngọc P3. Toàn bộ hoạt động mua bán đường là H bán giùm, tiền cũng không chuyển vào tài khoản của T4 tại Ngân hàng S3 mà chuyển vào tài khoản của H và Phạm Thanh S1.

- *Mai Thị Ngọc P3 trình bày:* Bản thân chỉ là người làm thuê cho H, công việc chủ yếu là quét dọn nhà. Tháng 5 năm 2019 đứng tên hộ kinh doanh L6 kinh doanh đường phèn theo chỉ đạo của H, không được hưởng lợi. H chỉ đạo mở tài khoản tại ngân hàng và ủy quyền lại cho Võ Thị Thu T12 sử dụng. Tổng số tiền người mua đường chuyển vào tài khoản của P3 là 2.400.000.000 đồng.

- *Võ Thị Thu T12 trình bày:* Khoảng tháng 3 năm 2020, T12 làm thuê cho H, công việc cụ thể là đi nộp tiền vào ngân hàng theo yêu cầu của H, không kinh doanh mua bán đường, biết H sử dụng số điện thoại 0829191919. T12 là người nhận ủy quyền sử dụng tài khoản của Mai Thị Ngọc P3.

- *Nguyễn Hoàng Ú (Ú) trình bày:* Bản thân sống bằng nghề làm thuê, không hoạt động kinh doanh mua bán đường với ai. Lập hộ kinh doanh Nguyễn

Hoàng Ú là theo sự chỉ đạo của H, Ú chỉ đứng tên trên giấy tờ, toàn bộ hoạt động là do H quản lý, điều hành, Ú không hưởng lợi, biết H sử dụng số điện thoại 0829191919. Năm 2018, H kêu Ú ký tên hồ sơ chuyển hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Ú sang hộ kinh doanh Lộc Phát do Nguyễn Phước L làm chủ. H yêu cầu Ú mở tài khoản tại ngân hàng và ủy quyền lại cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng.

- *Nguyễn Phước L trình bày:* Năm 2014 làm thuê cho H, công việc là chăm sóc vườn cây ăn trái, mỗi tháng H trả lương 4.000.000 đồng. Hộ kinh doanh Lộc P6 do L và Nguyễn Thị Kim X mua lại từ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Ú, mọi hoạt động kinh doanh mua bán đường của hộ kinh doanh L6 là do X điều hành, L không biết (BL 22613, 22616).

- *Nguyễn Thị Kim X trình bày:* Bản thân không biết chữ, chỉ mua bán xoài, không kinh doanh mua bán đường, chỉ biết đứng tên Công ty B do H nhờ đứng tên giùm, không được hưởng lợi từ Công ty. Năm 2016, X có mở tài khoản tại Ngân hàng E2 số 150714849666666 và H nhờ ủy quyền cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng, mọi biến động tài khoản X không biết.

- *Huỳnh Bá K trình bày:* Bản thân không mua bán đường, tài khoản ngân hàng do vợ là Nguyễn Thị Kim H sử dụng, số tiền chuyển đến không biết là tiền gì, ủy quyền tài khoản ngân hàng cho L, T6 và T5 sử dụng theo yêu cầu của H. Số điện thoại đăng ký biến động số dư 0829191919 là của H. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản của K là 222.576.535.000 đồng.

- *Nguyễn Tường Cẩm T9 trình bày:* Bản thân là người làm thuê cho H, mở tài khoản tại ngân hàng theo yêu cầu của H và ủy quyền sử dụng tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản của T9 là 52.746.230.000 đồng.

- *Nguyễn Thị Kim T8 trình bày:* H có mượn tiền mặt của T8 nhiều lần, mỗi lần H trả tiền thì H yêu cầu T8 cung cấp số tài khoản của T8 tại ngân hàng (tài khoản số 070016909252 và số F) để H yêu cầu những người mua đường của H chuyển tiền vào với tổng số tiền 52.882.300.000 đồng. Số điện thoại đăng ký biến động là của T8.

- *Phạm Thanh S1 trình bày:* Sang làm thuê cho H từ năm 2014 đến năm 2018. H yêu cầu S1 mở 08 tài khoản tại ngân hàng, các tài khoản này đều sử dụng số điện thoại 0829191919 của H để nhận thông báo biến động của tài khoản. Trong đó, một số tài khoản ngân hàng H chỉ đạo S1 ủy quyền cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng (05 tài khoản), một số tài khoản còn lại thì khi nào cần rút, chuyển tiền H yêu cầu S1 thực hiện. Tổng số tiền được chuyển vào tài khoản của S1 là 1.570.490.054.803 đồng là tiền bán đường của H, biết Công ty H, Công ty B, hộ kinh doanh L6, Nguyễn Hoàng Ú là của H, số tài sản là đất do S1 đứng tên là do H nhờ đứng tên giùm, không phải là tài sản của S1.

- *Phạm Tấn L4 trình bày:* L4 làm thuê cho H, L4 có mở tài khoản số 070111498294 tại Ngân hàng S3 và cho H mượn để dùng vào việc mua bán

đường và để chuyển khoản cho người khác. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản của L4 là 38.991.000.000 đồng.

- *Nguyễn Phạm Khắc T7 trình bày:* Làm thuê cho H từ năm 2015, H chỉ đạo T7 mở 02 tài khoản tại Ngân hàng S3 để ủy quyền cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng. Riêng tài khoản của T7 số 070089093366 tại Ngân hàng S3 thì H mượn để cho người khác chuyển tiền vào, rồi H kêu T7 rút tiền mặt giao lại cho H. T7 xác định không mua bán đường với ai. Tổng số tiền được chuyển vào tài khoản của T7 là 212.087.750.000 đồng, số điện thoại đăng ký biến động 0829191919 là của H và T7 đăng ký thêm số điện thoại 0972222277 để cho H sử dụng.

- *Lâm Thị T11, Nguyễn Trọng H4, Trần Thị Kiểm Á, Hứa Phước P5, Hứa Thị Bích V2, Nguyễn Thị Mỹ C1, Triệu Thị Kim L5, Trương Thị G1, Trang Hữu Đ1, Lữ Thúy T13, Nguyễn Thị C1, Trần Thị Tuyết H5, Đào Bích Đ3, Đào Bình A, Đào Ngọc B1, Trần N3, Trần Chí H2, Nguyễn Ngọc N8, Trương Kim L1, Lê Thị Kim N2, Nguyễn Kim P7, Quang Duy T10, Trần Đức N6, Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Cao C2, Lê Kim L3, Trương Quang N7, Võ Thị Hoa B2, Huỳnh Phi P8, Triệu Kim L5, Trần Văn N9 trình bày:* Đã nhiều lần trực tiếp thỏa thuận với Nguyễn Thị Kim H (M) mua đường cát, đường phèn; việc mua bán không lập hợp đồng, không có hóa đơn chứng từ và thanh toán tiền mua bán đường cát, đường phèn bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của nhiều người đứng tên khác nhau do H cung cấp.

- *Huỳnh Phước T14 (Cậu D), Nguyễn Hồng K1 (K) trình bày:* Thanh tu tại gia có thờ cúng. Năm 2017, Nguyễn Văn S có mua 02 công đất tại khu vực Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang với giá 400.000.000 đồng và S đưa 02 công đất này cho T14 để làm nơi chôn cất từ thiện. T14 không quen biết Nguyễn Thị Kim H.

- *Võ Chí H6, Lê Thị Thu T15 trình bày:* Từ năm 2013, H6 bắt đầu mua cá do Võ bán tại bè cá thuộc xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Khi thanh toán tiền vào ngày thứ 7, chủ nhật thì H6 trả tiền cho Võ nhận, còn các ngày còn lại thì H6 trả tiền cho H nhận.

- *Trương Công S2, Nguyễn Thị Hồng D1 (vợ của S2), Lê Minh T16 trình bày:* Năm 2018, S2 biết H có bán đường cát cho Trần Chí H2, nên H điện thoại kêu S2 nhận tiền của H2 giúp H thì S2 đồng ý. Sinh kêu T16 đến nhà của H2 nhận tiền 02 lần tổng cộng 1.700.000.000 đồng để đưa cho D1 nộp tiền vào tài khoản Nguyễn Hoàng Ú 700.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim T8 1.000.000.000 đồng theo yêu cầu của H.

* *Trước Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kim H khai:* Từ năm 2010 - 2020, H có mua bán đường cát, đường phèn, mật đường phèn và vay mượn tiền với Lâm Thị T11, Nguyễn Trọng H4, Triệu Kim L5, Trương Thị G1, Trang Hữu Đ1, Trần N3, Trần Chí H2, Trương Kim L1, Lê Thị Kim N2, Quang Duy T10, Trần Đức N6, Nguyễn Cao C2... Khi khách hàng trả tiền mua đường thì H yêu cầu những người trên chuyển tiền vào tài khoản của H, Huỳnh Bá K, Nguyễn Thị Kim T8, Trần Nguyễn Bảo T6, Nguyễn Tường Cẩm T9, Phạm Thanh S1,

Phạm Tân L4, Nguyễn Phạm Khắc T7 (Chị)... Nguồn gốc đường cát bán ra bị cáo mua lại của các công ty, mua đường đầu giá, mua trôi nổi về trộn lại để bán. Tuy nhiên, bị cáo H không thừa nhận có chỉ đạo người thân, người làm thuê mở tài khoản, ủy quyền tài khoản, mở công ty, hộ kinh doanh, đứng tên tài sản giữ.

Đối với Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S, H khai do có quen biết trước, nên mượn tiền của V để làm ăn và nhiều lần đưa tiền mặt cho T5 3.100.904.000 đồng chuyển vào tài khoản của V trả nợ; còn 1.370.700.000 đồng H kêu T5 chuyển vào tài khoản của S nhờ S mua mô tơ bơm cát và làm từ thiện.

* *Bị cáo Nguyễn Văn S khai:* S quen biết Nguyễn Thị Kim H (M) do cùng đi làm từ thiện. H nhiều lần chuyển tiền cho S tổng cộng 1.370.700.000 đồng, trong đó có số tiền 150.000.000 đồng do cha của H nhờ S đưa giúp cho thầy Thích Thiện T17 chùa P9 làm từ thiện xây chùa, số tiền 100.000.000 đồng H chuyển nhờ mua mô tơ bơm cát, còn lại mua đất, gạo, bánh... làm từ thiện giữ cho H.

* *Bị cáo Nguyễn Văn V khai:* Có cho H mượn tiền để làm ăn, nên trong năm 2015 - 2016, T5 (làm thuê cho Nguyễn Thị Kim H) 05 lần chuyển tiền vào tài khoản của V, tổng cộng 3.100.904.000 đồng trả nợ H mượn trước đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S không thừa nhận hành vi phạm tội.

*** *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:***

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H (M) phạm tội “*Trốn thuế*” và bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S phạm tội “*Rửa tiền*”.

1. Căn cứ Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58, khoản 3, khoản 4 Điều 200, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H (M) 06 (sáu) năm tù về tội “*Trốn thuế*”; 13 (mười ba) năm tù về tội “*Rửa tiền*”.

Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 19 (mười chín) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 7 năm 2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo H 100.000.000 đồng.

2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17, Điều 38, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo V 100.000.000 đồng.

3. Căn cứ Điều 17, Điều 38, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo S 100.000.000 đồng.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải có trách nhiệm nộp lại số tiền trốn thuế vào NSNN là 755.248.306.937 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.559.904.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn S nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.370.700.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 27 tháng 12 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt, với lý do như sau:

1. Về tội “*Trốn thuế*”: Việc bản án căn cứ vào lời khai của những người làm công khai cho rằng bị cáo mua bán đường từ những năm 2010 đến nay để kết tội “*Trốn thuế*” là không đúng, vì suốt quá trình kinh doanh, cơ quan thuế địa phương hàng năm đều có kiểm tra, bị cáo đều đã thực hiện đóng góp và nộp thuế đầy đủ về các loại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã liên tục khiếu nại những kết luận về số tiền cơ quan tiến hành tố tụng kết luận quá lớn và không có cơ sở nhưng không được xem xét thỏa đáng. Trong đó, có những vấn đề mà chính Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định lại (Quyết định số 05/QĐ-VPCQCSĐT ngày 19 tháng 10 năm 2023). Trưng cầu: Bộ T20 giám định lại về thuế đối với Công ty H, mã số thuế 1601249882; các Quyết định số 06, 07, 08/QĐ-VPCQCSĐT cùng ngày 19 tháng 10 năm 2023. Trưng cầu: Tổng cục T21 giám định lại về thuế đối với hộ kinh doanh L6, gồm các mã số thuế: 1601119594, 8433130966, 8473400376. Tuy nhiên, tại Công văn số 5293/TCT-TTKT (về việc trưng cầu giám định lại) ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tổng cục T21 trả lời Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, không tiến hành giám định với lý do thời hạn yêu cầu ngắn, không đủ thời hạn để thực hiện giám định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử và kết tội bị cáo “*Trốn thuế*” với số tiền hơn 755.000.000.000 đồng là không có căn cứ. Ngoài ra, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm căn cứ chủ yếu vào lời khai của Nguyễn Tường Cẩm T5 là người có mâu thuẫn với bị cáo (T5 là người bị bị cáo đuổi việc do gian dối). Do vậy, lời khai của Nguyễn Tường Cẩm T5 là không khách quan, gây bất lợi cho bị cáo. Đồng thời, trong quá trình điều tra còn nhiều mâu

thuần chưa được sáng tỏ, nhưng Tòa sơ thẩm vẫn kết tội bị cáo là không đúng pháp luật.

Với những lý do trên, bị cáo H kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra lại về tội “*Trốn thuế*”.

2. Về tội “*Rửa tiền*”: Việc Cơ quan điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm kết tội “*Trốn thuế*” lên đến hơn 755.000.000.000 đồng mà bị cáo “*rửa tiền*” có gần 5.000.000.000 đồng nghe đã bất hợp lý. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày số tiền thanh toán giữa bị cáo với Nguyễn Văn V là tiền bị cáo vay mượn qua lại do Võ nuôi và bán cá giống mà có. Đối với Nguyễn Văn S, số tiền bị cáo đưa cho S là tiền của gia đình bị cáo nhờ S chuyển cho nhà chùa làm từ thiện như mua áo quan và đất chôn cất những người dân nghèo không có tiền. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm kết tội bị cáo cùng với Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn S về tội “*Rửa tiền*” là oan cho bị cáo và V, S.

Vì thế, bị cáo H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo vì bị cáo không phạm tội “*Rửa tiền*”.

- Ngày 27 và ngày 28 tháng 12 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, với cùng lý do như sau:

Bản thân các bị cáo đều có nhiều năm cống hiến trong ngành công an, được khen thưởng nhiều thành tích xuất sắc, gia đình có công với cách mạng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản thân từng bị cáo đã tự nhận thấy được hành vi vi phạm pháp luật của mình. Bản thân từng bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Vì thế, bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn V kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

- *Bị cáo Nguyễn Thị Kim H trình bày:* Giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên. Bị cáo cho rằng: Các kết luận giám định về thuế của cơ quan thuế là không có căn cứ, do không xác định và không tính được nguồn vốn bị cáo đầu tư kinh doanh là bao nhiêu và nguồn tiền trốn thuế là từ nguồn tiền nào. Bị cáo chỉ chịu trách nhiệm đối với Công ty H và hộ kinh doanh L6 giai đoạn do bị cáo là chủ hộ kinh doanh. Các giai đoạn do người khác làm chủ đối với hộ kinh doanh L6 là không phải của bị cáo, nên việc buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hộ kinh doanh L6 giai đoạn từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 do Nguyễn Thanh T4 làm chủ và giai đoạn từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020 do Mai Thị Ngọc P3 làm chủ là không đúng. Quá trình kinh doanh mua bán đường bị cáo có sử dụng nhiều số điện thoại để đăng ký biến động tài khoản trong ngân hàng (trong đó có số điện thoại 0829191919). Bị cáo không yêu cầu người làm công của bị cáo mở tài khoản ngân hàng rồi ủy quyền cho Nguyễn Tường Cẩm T5 sử dụng và Nguyễn Tường Cẩm T5 là người có mâu thuẫn với bị cáo (do bị bị cáo đuổi việc) nên lời khai của T5 là gây bất lợi

cho bị cáo. Do đó, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, hủy án sơ thẩm để điều tra lại về tội “*Trốn thuế*”.

Đối với tội “*Rửa tiền*”, bị cáo quen biết Nguyễn Văn V nên có mượn tiền của V để xoay sở trong quá trình kinh doanh, sau đó kêu T5 mang tiền trả cho V với số tiền mà V đã nhận 3.559.904.000 đồng như nội dung án sơ thẩm đã nêu. Còn việc T6, T5 trả bằng hình thức nào thì do T6, T5 tự quyết định. Bị cáo xác định số tiền hơn 3.559.904.000 đồng Võ nhận là của bị cáo mượn của V, sau đó dùng tiền của gia đình bị cáo kinh doanh có được để trả cho V chứ không phải là tiền do bị cáo trốn thuế mà có (việc bị cáo mượn tiền của V chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ xác nhận). Giữa bị cáo và bị cáo V không có quan hệ hùn vốn trong kinh doanh. Đối với bị cáo S, bị cáo H xác định có quen biết với S từ việc đi làm từ thiện chung và từ đó bị cáo H có kêu T5 đưa tiền cho S để nhờ S làm từ thiện, mua đất chôn cất người nghèo khi chết, mua mô tơ bơm nước, cúng chùa... với số tiền như nội dung án sơ thẩm đã nêu là 1.370.700.000 đồng. Bị cáo xác định bị cáo S không có hùn xe, ghe với bị cáo trong quá trình kinh doanh mua bán đường. Vì thế, bị cáo và các bị cáo V, S bị kết tội “*Rửa tiền*” là oan, nên bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo và bị cáo V, bị cáo S.

- *Bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S cùng trình bày:* Các bị cáo giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo đã nêu trên, song các bị cáo vẫn cho rằng các bị cáo không biết số tiền nhận từ bị cáo H là tiền do bị cáo H trốn thuế, chỉ sau khi xét xử sơ thẩm thì các bị cáo mới biết số tiền mà các bị cáo đã nhận từ bị cáo H (do T6 và T5 chuyển) là tiền của bị cáo H trốn thuế. Sau khi nhận thức được hành vi của mình là phạm tội “*Rửa tiền*”, các bị cáo cảm thấy ăn năn, hối hận, vì thế đã tác động gia đình nộp tiền để khắc phục hậu quả theo án sơ thẩm đã tuyên. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn V đã nộp số tiền 100.000.000 đồng (tiền phạt bổ sung) và 500.000.000 đồng (một phần) tiền thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp 500.000.000 đồng (một phần) tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo V và S xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày:* Đồng ý với nhận định và quyết định của án sơ thẩm. Do các quyết định thành lập tổ giám định và cử giám định viên tư pháp về thuế là đúng quy định của pháp luật, giám định viên hoặc tổ giám định tư pháp độc lập đưa ra kết luận giám định của mình mà không lệ thuộc ý chí chủ quan của người khác và chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó, nên các kết luận giám định tư pháp về thuế là đúng quy định của pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “*Trốn thuế*” và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S cùng phạm tội “*Rửa tiền*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H, xét: Khi quyết định hình phạt, Tòa sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H về tội “*Trốn thuế*” và tội “*Rửa tiền*” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục kêu oan về tội “*Rửa tiền*” và yêu cầu hủy án sơ thẩm về tội “*Trốn thuế*”; tuy nhiên các tài liệu chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của bị cáo H đúng như án sơ thẩm đã tuyên, nên không có căn cứ để hủy án sơ thẩm về tội “*Trốn thuế*” và cũng không có căn cứ để cho rằng bị cáo H bị oan về tội “*Rửa tiền*”. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S, xét: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn S không thành khẩn khai báo, quanh co, chối tội, không thấy được hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, do bị cáo V có thân nhân là liệt sĩ, người có công với đất nước được tặng thưởng huân chương, huy hiệu, bằng khen. Bản thân bị cáo V và bị cáo S quá trình công tác trong lực lượng công an đã có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng thưởng nhiều bằng khen, nên Tòa sơ thẩm cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 11 năm tù đối với bị cáo V và 10 năm tù đối với bị cáo S là đã có xem xét giảm nhẹ tương xứng với hành vi của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo V, S kháng cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, nhưng vẫn cho rằng các bị cáo không biết đó là tiền bị cáo H kinh doanh trốn thuế mà có, chỉ sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo mới biết. Như vậy, coi như các bị cáo V, S vẫn chưa thừa nhận hành vi của mình là phạm tội “*Rửa tiền*”, nên mặc dù bị cáo V đã nộp đủ 100.000.000 đồng (tiền phạt bổ sung) và 500.000.000 đồng (một phần) tiền thu lợi bất chính; bị cáo S nộp 500.000.000 đồng (một phần) tiền thu lợi bất chính mà án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo để sung công quỹ nhà nước, nhưng cũng không đủ căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, bị cáo S, giữ nguyên án sơ thẩm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim H - Luật sư Nguyễn Văn H1 trình bày:* Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là bị cáo H có hành vi trốn thuế do quá trình kinh doanh không lập đầy đủ sổ sách kế toán theo dõi hàng hóa, không xuất hóa đơn khi bán hàng. Tuy nhiên, các kết luận giám định về thuế là chưa đảm bảo tính chính xác, nên bị cáo H có khiếu nại đối với các kết luận giám định về thuế và Cơ quan điều tra cũng đã có quyết định trưng cầu giám định lại về thuế. Tổng cục T21 đã có Công văn số 5293/TCT-TTKT ngày 27 tháng 11 năm 2023 trả lời Cơ quan điều tra về việc giám định lại cần ít nhất 03 tháng, nhưng các quyết định trưng cầu giám định lại thì Cơ quan điều tra quy định không quá 20 ngày nên Tổng cục T18 không đủ thời gian để giám định lại và chưa có trả lời chính xác, là có chịu giám định lại hay không? Riêng Bộ T20 thì chưa có trả lời đối với quyết định trưng cầu giám định lại của Cơ quan điều tra, nhưng Tòa sơ thẩm vẫn đưa vụ án ra xét xử là không đảm bảo đúng quy định

về giám định tư pháp, gây bất lợi cho bị cáo H. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, hủy án sơ thẩm về tội “*Trốn thuế*” để điều tra lại.

Đối với tội “*Rửa tiền*”, tội “*Trốn thuế*” là tội nguồn của tội “*Rửa tiền*”. Khi chưa làm rõ hành vi trốn thuế của bị cáo H và nguồn tiền nào là nguồn tiền bị cáo H trốn thuế thì không thể xác định được nguồn tiền mà bị cáo H chuyển cho các bị cáo V, S là nguồn tiền trốn thuế, nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Rửa tiền*”. Vì thế, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, minh oan cho bị cáo H và các bị cáo V, S về tội “*Rửa tiền*” (mặc dù bị cáo V, S không nhờ Luật sư bảo vệ nhưng do liên quan với hành vi của bị cáo H nên Luật sư xin đề nghị chung).

- *Bị cáo Nguyễn Thị Kim H thống nhất với lời bào chữa nêu trên của Luật sư, đồng thời bổ sung thêm:* Những tài khoản của người khác sử dụng vào việc gì bị cáo hoàn toàn không biết, còn việc mượn tiền qua lại giữa bị cáo và bị cáo V là chuyện cá nhân, khi nào có thì trả; tiền bị cáo chuyển cho S là tiền nhờ S làm từ thiện. Xin Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm cho giám định lại về thuế nếu kết luận giám định lại về thuế đúng theo trình tự, thủ tục luật quy định mà chứng minh được bị cáo trốn thuế số tiền nhiều hơn thì bị cáo cũng chấp nhận, vì kết luận giám định về thuế hiện tại bị cáo cho là không chính xác vì không tính khấu trừ nguồn vốn đầu tư ban đầu của bị cáo bỏ vào và các chi phí hợp lý khác, buộc bị cáo chịu trách nhiệm đối với hộ kinh doanh L6 giai đoạn không phải do bị cáo làm chủ...

- *Bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S tranh luận:* Sau khi nghe phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tranh luận của Luật sư H1 thì các bị cáo vẫn khẳng định không kháng cáo kêu oan. Các bị cáo nhận thấy lời khai của các bị cáo nêu trên là không đúng, nên các bị cáo xin đính chính là: Các bị cáo biết được số tiền các bị cáo nhận từ bị cáo H (do T6, T5 chuyển) là tiền bị cáo H có được từ hoạt động kinh doanh mua bán đường, nhưng không kê khai thuế theo quy định của pháp luật (tức tiền bị cáo H trốn thuế). Vì thế, các bị cáo xin đại diện Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử xem xét, ghi nhận lời khai này của các bị cáo để xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- *Đại diện bị hại không tham gia tranh luận.*

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:* Đối với tranh luận của Luật sư H1 và bị cáo H, quan điểm của Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên; đối với lời khai nhận của các bị cáo V, S trong phần tranh luận đã thừa nhận biết được nguồn tiền bị cáo H chuyển cho các bị cáo V, S là tiền bị cáo H phạm tội “*Trốn thuế*” mà có và bị cáo V, S đã nộp tiền khắc phục hậu quả như đã nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo thẩm quyền cho các bị cáo V, S hưởng các tình tiết giảm nhẹ vừa nêu.

- *Lời nói sau cùng,* bị cáo H xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy án sơ thẩm để cho giám định lại về thuế đối với bị cáo vì số tiền theo kết luận giám định về thuế hiện tại là quá lớn, bị cáo không thể nào có hành vi trốn thuế đến số tiền lớn như thế; bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S xin Hội

đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn S đều trong hạn luật định nên đều hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về việc giám định lại về thuế: Ngày 27 tháng 11 năm 2023, Tổng cục T21 có Công văn số 5293/TC-TTKT (về việc trưng cầu giám định lại) trả lời Cơ quan điều tra Công an tỉnh A với nội dung:

“Luật Giám định tư pháp năm 2012 quy định:

Điều 29. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác...

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A đề nghị giám định lại về thuế đối với hộ kinh doanh L6 trong các giai đoạn 2015 - 2018, 2018 - 2019 và 2019 - 2020 theo quy định, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A nêu cụ thể căn cứ cho rằng kết luận giám định ban đầu không chính xác”.

Như vậy, việc Tổng cục T21 không tiến hành giám định lại theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A là do các quyết định trưng cầu giám định lại chưa nêu cụ thể căn cứ cho rằng kết luận giám định ban đầu không chính xác (đây là lý do chính của việc Tổng cục T21 không giám định lại).

Do không có căn cứ để cho rằng kết luận giám định ban đầu không chính xác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A không tiếp tục trưng cầu giám định lại mà căn cứ vào văn bản số 4341/CTAGI-TTKT1 ngày 02 tháng 11

năm 2023 Cục Thuế tỉnh A liên quan đến việc tính tiền thuế GTGT giao nộp NSNN trong kết luận giám định tư pháp.

Theo đó, Cục Thuế tỉnh A cho rằng: *“Việc xác định số tiền thuế GTGT giảm nộp NSNN của Công ty H và 03 hộ kinh doanh Hạnh P2 đã được nêu cụ thể trong từng kết luận giám định”; “Quá trình thực hiện giám định tư pháp về thuế, giám định viên hoặc tổ chức giám định tư pháp độc lập đưa ra kết luận giám định của mình mà không lệ thuộc ý chí của người khác và chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó”*. Như vậy, dù không nhận được trả lời (không có kết quả giám định lại) của Bộ T20, Tổng cục T21, nhưng Cơ quan điều tra Công an tỉnh A đã thực hiện đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (yêu cầu Cục Thuế tỉnh A giải thích kết luận giám định). Dựa vào văn bản số 4341/CTAGI-TTKT1 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A kết thúc điều tra là có căn cứ.

Từ đó, Tòa sơ thẩm nhận định: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A có các quyết định trưng cầu giám định để xác định thiệt hại về thuế do hành vi không thực hiện kê khai thuế của bị cáo Nguyễn Thị Kim H và Cục Thuế tỉnh A có các quyết định thành lập tổ giám định và cử giám định viên tư pháp về thuế; việc giám định viên hoặc tổ giám định tư pháp độc lập đưa ra kết luận giám định của mình mà không lệ thuộc ý chí chủ quan của người khác và chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó, nên các kết luận giám định tư pháp về thuế trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật. Vì thế, Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử mà không cần phải giám định lại là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị cáo H và bào chữa của Luật sư H1 yêu cầu hủy án sơ thẩm do chưa có kết quả giám định lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với hành vi *“Trốn thuế”* và *“Rửa tiền”* của bị cáo Nguyễn Thị Kim H:

[4.1] Trước cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo H không thừa nhận hành vi phạm tội như quyết định án sơ thẩm đã tuyên bố. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả điều tra, lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế cùng các chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định:

Với danh nghĩa Công ty H và hộ kinh doanh L6, Nguyễn Thị Kim H đã bán đường cho hơn 20 khách hàng với tổng số tiền là 3.084.957.095.560 đồng, trong đó của Công ty H 2.894.706.735.560 đồng, của hộ kinh doanh L6 190.250.360.000 đồng. Để nhận tiền bán đường từ khách hàng, H kêu những người làm công của H gồm: Nguyễn Tường Cẩm T5, Trần Nguyễn Bảo T6, Mai Thị Ngọc P3, Nguyễn Phạm Khắc T7, Phạm Thanh S1; và Huỳnh Bá K (chồng H), Nguyễn Thị Kim X (chị H), Nguyễn Thị Kim T8 và Nguyễn Hoàng Ú (em H) đứng tên mở các tài khoản ngân hàng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào các tài khoản nêu trên mà không chuyển vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký với cơ quan thuế. Các tài khoản ngân hàng này đều đăng ký số điện thoại của H

nhận tin nhắn biến động tài khoản khi khách hàng chuyển trả tiền mua đường để H quản lý.

- Phù hợp với lời khai của Lâm Thị T11, Nguyễn Trọng H4, Trần Thị Kiểm Á, Hứa Phước P5, Hứa Thị Bích V2, Nguyễn Thị Mỹ C1, Triệu Thị Kim L5, Trương Thị G1, Trang Hữu Đ1, Lữ Thúy T13, Nguyễn Thị C1, Trần Thị Tuyết H5, Đào Bích Đ3, Đào Bình A, Đào Ngọc B1, Trần N3, Trần Chí H2, Nguyễn Ngọc N8, Trương Kim L1, Lê Thị Kim N2, Nguyễn Kim P7, Quang Duy T10, Trần Đức N6, Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Cao C2, Lê Kim L3, Trương Quang N7, Võ Thị Hoa B2, Huỳnh Phi P8, Triệu Kim L5, Trần Văn N9 - là những người mua đường của H, trình bày: Đã nhiều lần trực tiếp thỏa thuận với Nguyễn Thị Kim H (M) mua đường cát, đường phèn; việc mua bán không lập hợp đồng, không có hóa đơn chứng từ và thanh toán tiền mua bán đường cát, đường phèn bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của nhiều người đứng tên khác nhau do H cung cấp.

- Phù hợp với lời khai của Trần Nguyễn Bảo T6, Nguyễn Tường Cẩm T5, Nguyễn Thị Bé E, Trần Văn P1 (P), Lê Thị Bạch V1, Mai Thị Ngọc P3, Võ Thị Thanh T19, Nguyễn Tường Cẩm T9, Phạm Thanh S1, Phạm Tấn L4, Nguyễn Phạm Khắc T7 (đều là những người làm thuê cho H); Nguyễn Hoàng Ú (em ruột H); Nguyễn Thị Kim X (chị ruột H); Huỳnh Bá K (chồng H); Nguyễn Thị Kim T8 (em ruột H); Nguyễn Thanh T4 (cháu ruột của H) đã khai như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên.

Bị cáo H cũng thừa nhận quá trình kinh doanh không lập sổ theo dõi nên không quản lý sổ sách. Quá trình điều tra đã chứng minh được như sau:

- Đối với Công ty H, số tiền doanh thu đã khai báo thuế là 104.495.055.598 đồng, so với số tiền doanh thu thực tế là 2.894.706.735.560 đồng, chênh lệch giảm không khai báo thuế số tiền 2.790.211.679.962 đồng.

- Đối với hộ kinh doanh L6:

+ Giai đoạn do H đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 125.011.793.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 8.748.550.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 116.263.243.000 đồng.

+ Giai đoạn do Nguyễn Thanh T4 đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 43.022.664.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 3.321.236.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 39.701.428.000 đồng.

+ Giai đoạn do Mai Thị Ngọc P3 đứng tên, doanh thu bán đường phèn, mật đường phèn số tiền 22.215.903.000 đồng, nhưng chỉ khai báo thuế số tiền 3.449.006.000 đồng, không khai báo thuế số tiền 18.766.897.000 đồng.

* Tại Kết luận giám định thuế số 04/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 1601119594 do Nguyễn Thị Kim H làm chủ hộ, từ tháng 11 năm 2015 đến ngày 09 tháng 9 năm 2018 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là

5.231.845.935 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 3.487.897.290 đồng, thuế TNCN: 1.743.948.645 đồng.

* Tại Kết luận giám định thuế số 05/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 8433130966 do Nguyễn Thanh T4 đứng tên làm chủ hộ, từ ngày 10 tháng 9 năm 2018 đến ngày 28 tháng 5 năm 2019 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 1.786.564.260 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 1.191.042.840 đồng, thuế TNCN: 595.521.420 đồng.

* Tại Kết luận giám định thuế số 06/KL-GĐTP ngày 12 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Hộ kinh doanh Hạnh Phát, mã số thuế 8473400376 do Mai Thị Ngọc P3 làm chủ hộ, từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 kinh doanh mua bán đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 844.510.365 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 563.006.910 đồng, thuế TNCN: 281.503.455 đồng.

* Tại Kết luận giám định thuế số 05/KL-GĐTP ngày 14 tháng 6 năm 2023, Cục Thuế tỉnh A kết luận: Công ty H, mã số thuế 1601249882 do Nguyễn Thị Kim H làm Giám đốc kiêm Chủ tịch, từ năm 2010 - 2020 kinh doanh mua bán đường cát, đường phèn, mật đường phèn, cơ quan giám định thuế xác định số tiền gây ra thiệt hại cho NSNN là 747.385.386.377 đồng, gồm có: Thuế GTGT: 139.510.583.998 đồng, thuế TNDN: 607.874.802.378 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo H không nộp thuế là: 755.248.306.937 đồng.

[4.2] Điều 17 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định về trách nhiệm của người nộp thuế như sau: “*Kê khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế*”; “*Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật*”.

[4.3] Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận, trong quá trình hoạt động kinh doanh mặt hàng đường cát và sản xuất, kinh doanh đường phèn để bán, bị cáo H đã có hành vi không lập sổ sách kế toán theo dõi hàng hóa, không xuất hóa đơn khi bán hàng, không kê khai doanh thu bán ra để trốn thuế; bị cáo H đã chỉ đạo người thân, người làm công mở nhiều tài khoản ngân hàng, đứng tên giùm nhiều công ty, hộ kinh doanh để che giấu số lượng hàng hóa đã tiêu thụ và nguồn tiền tiêu thụ hàng hóa nhằm trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Căn cứ các kết luận giám định về thuế như đã nêu trên, bị cáo H gây ra thiệt hại cho NSNN với số tiền là 755.248.306.937 đồng.

[4.4] Xuất phát từ hành vi phạm tội “*Trốn thuế*” của bị cáo H, trong quá trình kinh doanh, bị cáo đã chỉ đạo người thân, người làm công mở nhiều tài khoản ngân hàng, đứng tên giùm nhiều công ty, hộ kinh doanh để che giấu số tiền thu được từ nguồn tiền bất hợp pháp. Bị cáo H đã mua sắm nhiều tài sản là đất đai, nhà cửa, phương tiện... và đã chỉ đạo cho Nguyễn Tường Cẩm T5, Trần

Nguyễn Bảo T6 chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn V tổng số tiền 4.930.604.000 đồng để hợp pháp hóa nguồn tiền trốn thuế của mình. Đây là hành vi “*Rửa tiền*” - sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội để thực hiện vào việc mở tài khoản, gửi tiền, rút tiền, góp vốn, cho vay, chuyển tiền và sử dụng dưới danh nghĩa tài trợ, từ thiện, viện trợ nhân đạo hoặc các hoạt động khác. Hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội “*Rửa tiền*” xuất phát từ tội phạm nguồn là “*Trốn thuế*”. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của tội “*Rửa tiền*”.

[4.5] Với các hành vi phạm tội như đã nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “*Trốn thuế*” và tội “*Rửa tiền*” với tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 200, điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai. Vì vậy, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm về tội “*Trốn thuế*” và cũng không có căn cứ để cho rằng bị cáo H bị oan về tội “*Rửa tiền*”.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Kim H đều không thành khẩn khai báo, quanh co, chối tội, không thấy được hành vi phạm tội, nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo. Xét mức án Tòa sơ thẩm tuyên đối với tội “*Trốn thuế*” và tội “*Rửa tiền*” là đủ nghiêm khắc và tương xứng với các hành vi phạm tội của bị cáo H; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết nào mới, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên tội danh và hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Đối với hành vi “*Rửa tiền*” của bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Văn V từng giữ chức vụ trong lực lượng Công an nhân dân; bị cáo biết rõ Nguyễn Thị Kim H là đối tượng buôn lậu chuyên nghiệp trong thời gian dài, không những không đấu tranh ngăn chặn mà vì lợi ích cá nhân hám lợi; bị cáo V có 03 xe mô tô đứng tên Nguyễn Văn V, được Nguyễn Thị Kim H sử dụng vào hoạt động buôn lậu, trong đó có đường cát và tham gia hùn phương tiện ghe, để giúp sức tích cực cho bị cáo H trong thời gian dài để được chia lợi nhuận từ các hoạt động này; ngoài ra, bị cáo H đã chỉ đạo Nguyễn Tường Cẩm T5, Trần Nguyễn Bảo T6 nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo V với số tiền 3.559.904.000 đồng từ nguồn tiền buôn lậu, trốn thuế mà có. Từ đó, bị cáo V sử dụng tiền này đầu tư chăn nuôi cá, gửi ngân hàng... Bị cáo V đã giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội “*Rửa tiền*” từ nguồn kinh doanh bất hợp pháp mà có, nên Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo V phạm tội “*Rửa tiền*” là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Văn S, cũng giống như bị cáo V, từng giữ chức vụ Đội trưởng Đội Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh A; vì lợi ích cá nhân, ham lợi đã hùn 02 ghe, 02 xe tải để cho bị cáo H sử dụng vào việc vận chuyển hàng hóa nhập lậu, không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp; bị cáo H sau khi thỏa thuận với các khách hàng xong, theo chỉ đạo của H giao cho Nguyễn Tường Cẩm T5 điều xe, ghe vận chuyển cho những khách hàng mua đường cát ở các

tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng... Sau đó, các khách hàng chuyển trả tiền mua bán đường cát nhập lậu, không có hóa đơn, chứng từ cho bị cáo H, thông qua tài khoản của Nguyễn Tường Cẩm T5, rồi từ tài khoản của Cẩm T5 theo lệnh của bị cáo H chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Văn S. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018, T5 chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Văn S với số tiền 1.370.700.000 đồng; các chứng cứ này phù hợp với các chứng từ sao kê tài khoản, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, còn phù hợp với lời khai của Nguyễn Tường Cẩm T5 trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo S cho rằng những khoản tiền bị cáo H chuyển là để nhờ bị cáo S giúp làm từ thiện như mua đất chôn người chết, cúng chùa, mua sà lan bơm cát giùm cho bị cáo H (không phải là tiền chia lợi nhuận vì bị cáo không có hùn vốn hay phương tiện đối với bị cáo H trong kinh doanh mua bán đường). Lời khai này của bị cáo S đủ căn cứ để Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Rửa tiền*”, không oan, sai.

[5.3] Hành vi phạm tội của bị cáo Võ X1 ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, tội “*Rửa tiền*” theo khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định có lợi hơn so với khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Rửa tiền*” theo điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.4] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S, xét:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn S không thành khẩn khai báo, quanh co, chối tội, không thấy được hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo V có thân nhân là liệt sĩ, người có công với đất nước, được tặng thưởng Huân chương, huy hiệu, bằng khen. Bản thân bị cáo V và bị cáo S quá trình công tác trong lực lượng Công an nhân dân đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng nhiều bằng khen nên Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo V và S hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V và bị cáo S đã thấy được lỗi lầm của mình nên đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi giúp sức cho bị cáo H đối với tội “*Rửa tiền*” là đã nhiều lần nhận tiền từ bị cáo H từ nguồn tiền “*Trốn thuế*” như đã nêu trên. Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục được một phần tiền thu lợi bất chính và nộp tiền phạt bổ sung; cụ thể: bị cáo Võ nộp 100.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 500.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo S đã nộp 500.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính;

gia đình bị cáo S có cha vợ là người có công với Cách mạng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo V và S có 02 tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm quy định tại các điểm s, v khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo V và bị cáo S.

[6] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử với kháng cáo của bị cáo H nên được chấp nhận; bào chữa của Luật sư H1 và kháng cáo của bị cáo H yêu cầu hủy án sơ thẩm về tội “*Trốn thuế*” và kêu oan về tội “*Rửa tiền*” là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo H. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với kháng cáo của bị cáo V, S là phù hợp một phần nên chấp nhận phần Viện kiểm sát đề nghị xem xét theo thẩm quyền của Hội đồng xét xử đối với các tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo V, S; kháng cáo của các bị cáo V, S là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận, sửa án sơ thẩm về hình phạt, giảm cho bị cáo V, S một phần hình phạt.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo V và S được chấp nhận nên bị cáo V, S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Quyết định khác của án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H (M), giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H (M) phạm tội “*Trốn thuế*” và các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S phạm tội “*Rửa tiền*”.

2.1. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm a khoản 3, 5 Điều 324; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị Kim H (M)** 06 (sáu) năm tù về tội “*Trốn thuế*”, 13 (mười ba) năm tù về tội “*Rửa tiền*”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 (mười chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 22 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm

số 565/2023/HS-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **30 (ba mươi) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 7 năm 2021.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo H 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn V 10 (mười) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo V 1 (một trăm triệu) đồng.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 324; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn S 09 (chín) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo S 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2.4. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S bằng quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải có trách nhiệm nộp lại số tiền trốn thuế vào ngân sách Nhà nước là 755.248.306.937 (bảy trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng.

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.559.904.000 (ba tỷ năm trăm năm mươi chín triệu chín trăm lẻ bốn nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.370.700.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

3.4. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn S (do vợ là Thái Thị Bích T3) đã nộp 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là một phần tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước theo Biên lai thu tiền số 0000145 ngày 20 tháng 3 năm

2024; bị cáo Nguyễn Văn V đã nộp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền phạt bổ sung và 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là một phần tiền thu lợi bất chính, tổng cộng là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước theo Biên lai thu tiền số 0000043 ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3.5. Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang có trách nhiệm sung công quỹ số tiền các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn V đã nộp nêu trên.

4. Về án phí phúc thẩm: *Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Quyết định khác của án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (4);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Công an tỉnh An Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang
- “để tổng đạt cho bị cáo” (3);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Thoại Sơn
- “để tổng đạt cho bị cáo” (2);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS (2), VT (5), 30b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu